TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAN PHƯỢNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **01**/2025/HNGĐ-ST Ngày: 15/01/2025. V/v: *Xin ly hôn*	**NHÂN DANH** **NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**: Ông Nguyễn Sơn Hà;
- **Các Hội thẩm nhân dân**: Bà Nguyễn Thị Hồ và ông Tạ Văn Nhật

Thư ký phiên toà ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Toàn – Thư ký tòa án

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15/01/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đan Phượng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 259/2024/TLST-HNGĐ ngày 14/11/2024, về việc "*Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 04/12/2024 và Quyết định hoãn phiên Toà số 71/QĐ-HPT ngày 26/12/2024 giữa:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị N,** sinh năm 1989; Vắng mặt

HKTT: Số 2/159 phố Tây Sơn, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện tại: Số nhà 25B, ngõ 487/59 phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: **Anh Nguyễn Sg T,** sinh năm 1988; Vắng mặt.

HKTT: Số 2/159 phố Tây Sơn, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về tình cảm: Chị và anh Nguyễn Sg T đăng ký kết hôn ngày 14/9/2011 tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị ở số 2/159 phố Tây Sơn, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 4 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn không khắc phục được. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị N

xác định tình cảm không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Diệu Anh, sinh ngày 23/10/2012. Hiện nay cháu Diệu Anh đang ở cùng với chị N tại phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Khi ly hôn chị đề nghị Toà án giao cháu Diệu Anh cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình và nợ chung: chị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Sg T, kể từ khi thụ lý vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ các thông báo, quyết định của Toà án cho anh T. Tuy nhiên anh T không có mặt. Toà án đã lấy lời khai của bà Nguyễn Thị S là mẹ đẻ anh T, cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1960 là mẹ đẻ của anh Nguyễn Sg T, sinh năm 1988, HKTT: Số 2/159 phố Tây Sơn, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội. Bà có nhận được Thông báo thụ lý và giấy triệu tập của Toà án báo anh Nguyễn Sg T lên để giải quyết vấn đề xin ly hôn theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị N. Do anh T đi làm xa, thường xuyên vắng mặt ở nhà nên bà đã trao đổi với anh T về việc chị N có đơn xin ly hôn. Anh T có nói lại và bảo bà lên Toà án trình bày lại nội dung như sau:

Về tình cảm: Khoảng năm 2011 bà có xây dựng gia đình cho anh T lấy chị N. Trong quá trình chung sống bà thấy anh chị có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân cụ thể bà không nắm rõ. Năm 2020 chị N có chuyển ra ngoài ở trọ, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị N có đơn xin ly hôn anh T đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Diệu Anh, sinh ngày 23/10/2012. Kể từ khi ly thân, cháu Diệu Anh đều do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đồng thời anh T thường xuyên phải đi làm xa nhà nên không có điều kiện chăm sóc con. Do đó, đề nghị Toà án giao cháu Diệu Anh cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về các văn bản tố tụng: Do anh T ở xa, ít khi về nhà nên anh T có nhờ bà nhận thay văn bản. Bà cam kết nhận thay văn bản cho anh T, thông báo và cam đoan giao ngay tận tay cho anh T.

Cũng tại biên bản ghi lời khai ngày 02/12/2024 bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 19/11/2024 tại Toà án nhân dân huyện Đan Phượng, không sửa đổi, bổ sung gì thêm. Về các văn bản tố tụng, sau khi được Toà án tống đạt bà đã thông báo lại nội dung cho anh T được biết nhưng do anh T đi làm xa không có nhà nên không lên Toà làm việc được. Anh T cũng xin được vắng mặt tại phiên Toà, đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt.
- Bị đơn anh Nguyễn Sg T vắng mặt tại phiên Toà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên Toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, quy định của pháp luật. Tại phiên Toà, Hội đồng xét xử và thư ký Toà án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cơ bản đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại 70, 72 BLTTDS.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Nhận thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh T là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N, cho chị N được ly hôn với anh Nguyễn Sg T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Diệu Anh, sinh ngày 23/10/2012. Do anh T thường xuyên đi làm xa, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, đồng thời tại biên bản ghi lời khai cháu Diệu Anh cũng có nguyện vọng được ở với mẹ nên đề nghị Toà án giao cháu Nguyễn Diệu Anh cho chị Nguyễn Thị N nuôi. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nên con chung nên không xét. Chị N không được cản trở việc anh T thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại Tòa án, bản tự khai của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Sg T. Anh T có hộ khẩu thường trú tại số 2/159 phố Tây Sơn, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội nên Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Sg T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên Toà nhưng vắng mặt. Chị Nguyễn Thị N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Sg T.

Về nội dung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Sg T kết hôn ngày 14/9/2011, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội, trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp về tính cách, bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc. Tại biên bản ghi lời khai bà Nguyễn Thị S là mẹ đẻ anh T cũng xác nhận anh chị thường xuyên mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị N xác định tình cảm không còn và đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Tại phiên Toà anh T vắng mặt nên Toà án không thể hoà giải đoàn tụ được. Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Sg T.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Diệu Anh, sinh ngày 23/10/2012. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi cháu Diệu Anh. Hội đồng xét xử nhận thấy kể từ khi ly thân cháu Diệu Anh đều do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại biên bản ghi lời khai cháu Diệu Anh có nguyện vọng được ở với mẹ, hiện tại anh T đi làm xa, không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Diệu Anh. Đồng thời, tại biên bản ghi lời khai của bà Nguyễn Thị S cũng đề nghị toà án giao con cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do đó, để tránh sáo trộn cuộc sống cũng như theo nguyện vọng của các đương sự, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Diệu Anh cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp lý và đúng quy định của pháp luật. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình và nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết;

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N. Cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Sg T.

2. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Diệu Anh, sinh ngày 23/10/2012. Giao cháu Nguyễn Diệu Anh cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của anh Nguyễn Sg T cho đến khi chị Nguyễn Thị N yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh Nguyễn Sg T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp với hai bên gia đình và nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết;

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu **300.000đ** *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm được trừ **300.000đ** *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo Biên lai số 0010454 ngày 14/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đan Phượng. Chị N đã nộp đủ án phí.

5. Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Thành phố HN;
- VKS Huyện Đan Phượng, VKS Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Đan Phượng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

Nguyễn Sơn Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**